

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 09-01-2024
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 414/2023/TLST-DS ngày 06/10/2023 về việc “tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-DS ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị S, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị S có mặt; bị đơn bà Trần Thị Thùy D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đặng Thị S trình bày:**

Bà Đặng Thị S với bà Trần Thị Thùy D có quan hệ là mẹ kế và con chồng. Chồng bà S tên Trần Việt H, sinh năm 1957, chết ngày 16/8/2020; địa chỉ sinh sống trước khi chết là Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà S và ông H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng không có con chung.

Ông H có vợ trước tên là Lê Thị H, sinh năm 1952 và đã ly hôn theo Quyết định số 43/2009/QĐHNGĐ-ST ngày 08/7/2009 của TAND huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Ông H và bà H có 08 người con chung là Trần Thị H, Trần Văn D, Trần Lê D, Trần Thị Thùy D, Trần Thị Hương G, Trần Anh Đ, Trần Ngọc G và Trần Văn D1 đúng như “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng VV công chứng số 2606, quyền số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023.

Trong thời gian chung sống, ban đầu giữa bà S và ông H không có tài sản gì, sau đó bà S và ông H có mua được miếng đất vào năm 2018, đất được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 03658 ngày 26/12/2018 đứng tên ông Trần Việt H theo đúng như “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng VV công chứng số 2606, quyền số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023.

Sau khi ông H chết, bà S và các con riêng của ông H đã thỏa thuận phân chia thừa kế tài sản theo “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng VV công chứng số 2606, quyền số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023, theo đó: Bà S được nhận phần di sản thừa kế của ông H và nhận quyền sử dụng đất trong quyền sử dụng đất chung của vợ chồng với trị giá là số tiền 50.000.000 đồng; bà Trần Thị Thùy D được nhận toàn bộ tài sản thừa kế của ông H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 03658 ngày 26/12/2018; bà D có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà S số tiền là 50.000.000 đồng nêu trên.

Nay, bà S khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán cho bà S số tiền 50.000.000 đồng theo “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng VV công chứng số 2606, quyền số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà S cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 14/8/2023 của bà Đặng Thị S (bản gốc); Căn cước công dân và Xác nhận thông tin về cư trú của nguyên đơn bà Đặng Thị S (bản sao); “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng V công chứng số 2606, quyền số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023 (bản sao); “Trích lục khai tử” của ông Trần Việt H (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03658 ngày 26/12/2018 đứng tên ông Trần Việt H (bản sao); Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ giao tài liệu chứng cứ ngày 14/8/2023 của bà Đặng Thị S (bản gốc); Bản tự khai ngày 14/8/2023; Hồ sơ hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án (bản gốc); CCCD bị đơn bà Trần Thị Thùy D (bản sao);

Biên bản thỏa thuận ngày 18/10/2023 giữa bà Đặng Thị S và bà Trần Thị Thùy D (bản gốc).

*** Bị đơn bà Trần Thị Thùy D:**

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà D, tuy nhiên bà D không thường xuyên có mặt tại địa chỉ cư trú. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai nhưng phía bà D không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia giải quyết vụ án.

*** Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập:**

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành thu thập chứng cứ: Biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà S vào ngày 31/10/2023; Lập 02 Biên bản xác minh ngày 16/10/2023 đối với Ban lãnh đạo ấp C và Ban lãnh đạo ấp B, xã T, huyện D; Ban hành Thông báo yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ số 23/TB-TA ngày 08/11/2023 đối với bị đơn bà D; Thực hiện các thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn bà D.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà S có mặt; bị đơn bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà D theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp đòi tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội D vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà S có mặt; bị đơn bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà S: Bà S khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán cho bà S số tiền 50.000.000 đồng theo “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng V công chứng số 2606, quyền số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023. Xét thấy, bị đơn bà D có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương và có nhà sinh sống tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (Biên bản xác minh ngày

16/10/2023 đối với Ban lãnh đạo ấp C và Ban lãnh đạo ấp B, xã T, huyện D) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp đòi tài sản”. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà S có mặt, bị đơn bà D vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà S khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán cho bà S số tiền 50.000.000 đồng theo “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng V công chứng số 2606, quyển số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023.

Bà S trình bày về mối quan hệ gia đình và lý do đưa ra yêu cầu khởi kiện và có cung cấp chứng cứ kèm theo là “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng V công chứng số 2606, quyển số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023. Xem xét chứng cứ phía bà S cung cấp thấy rằng: “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng V công chứng số 2606, quyển số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023 là văn bản được công chứng nên là tình tiết tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà D tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà D vắng mặt không có lý do; đồng thời bà D cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình.

Theo quy định tại các Điều 163, 164, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bà D đã thanh toán số tiền 50.000.000 đồng cho bà S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà S buộc bà D có nghĩa vụ thanh toán cho bà S toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội D đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp đòi tài sản” của bà Đặng Thị S đối với bà Trần Thị Thùy D.

1.1. Buộc bà Trần Thị Thùy D có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Đặng Thị S tổng số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) theo “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” do Văn phòng Công chứng V công chứng số 2606, quyền số 01/2023 TP/CC/SCC/HĐGD ngày 27/6/2023.

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Trần Thị Thùy D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

2.2. Hoàn trả cho bà Đặng Thị S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng (*một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009395 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Tòa tuyên án, ngày 09/01/2024.

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng